

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Xây dựng cầu 75, được chuyển đổi theo Quyết định số 285/QĐ-TCT8 ngày 24/6/2010 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900324829 ngày 30/9/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với Vốn điều lệ là 10.492.714.912 đồng. Công ty được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75 thành Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 7 ngày 29/5/2018 về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 và thay đổi trụ sở Công ty.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 ngày 29/5/2018 với vốn điều lệ là 56.400.600.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ bốn trăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75**

Trụ sở chính: Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Đào Ngọc Ký	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên
	Ông Đặng Đình Đầu	Thành viên
	Ông Phùng Văn Tình	Thành viên
	Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 6/10/2018)

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Phùng Văn Tình	Giám đốc
	Ông Trần Đình Thanh	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Quý Trường	Phó Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Cường	Phó Giám đốc
	Ông Võ Văn Cao	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03/10/2018)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Phùng Văn Tình
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Số: 279/2019/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75, được lập ngày 25/03/2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày Thuyết minh 6.3 - Thông tin so sánh. Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra thuế của Cục thuế Hà Nội ngày 20/12/2018 cho Báo cáo tài chính năm 2017.



A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Mai Hoa.

Đinh Văn Thắng**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1147-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 03/2019/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2019 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.**

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Nguyễn Thị Mai Hoa**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

MS	TM	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND) (Sau điều chỉnh)	31/12/2017 (VND)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN				
100		344.047.169.625	320.514.164.905	320.437.710.425
110	5.1	66.878.269.941	30.468.558.968	30.468.558.968
111		66.878.269.941	30.468.558.968	30.468.558.968
130		185.202.788.285	219.891.537.166	219.815.082.686
131	5.2	292.411.316.066	318.394.200.999	318.394.200.999
132	5.3	22.323.790.705	6.641.146.486	6.641.146.486
135		388.563.799	-	-
136	5.4	14.623.070.781	19.292.057.697	19.215.603.217
137	5.5	(144.543.953.066)	(124.435.868.016)	(124.435.868.016)
140	5.6	83.963.438.262	61.044.602.938	61.044.602.938
141		83.963.438.262	61.044.602.938	61.044.602.938
150		8.002.673.137	9.109.465.833	9.109.465.833
151	5.7	7.976.889.560	9.083.682.256	9.083.682.256
153	5.12	25.783.577	25.783.577	25.783.577
200		41.548.750.009	36.843.901.740	36.843.901.740
210		850.744.223	246.925.000	246.925.000
216	5.4	850.744.223	246.925.000	246.925.000
220		31.147.181.900	28.701.071.310	28.701.071.310
221	5.8	31.147.181.900	28.701.071.310	28.701.071.310
222		101.127.611.826	113.114.058.472	113.114.058.472
223		(69.980.429.926)	(84.412.987.162)	(84.412.987.162)
240		642.872.356	642.872.356	642.872.356
242	5.9	642.872.356	642.872.356	642.872.356
250		-	-	-
260		8.907.951.530	7.253.033.074	7.253.033.074
261	5.7	8.907.951.530	7.253.033.074	7.253.033.074
270		385.595.919.634	357.358.066.645	357.281.612.165



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN

	MS	TM	31/12/2018 (VND)	01/01/2018 (VND) (Sau điều chỉnh)	31/12/2017 (VND)
C- NỢ PHẢI TRẢ					
I. Nợ ngắn hạn	310		312.788.801.784	287.868.515.974	285.647.559.307
1. Phải trả người bán ngắn hạn	310		309.279.480.467	272.631.812.657	270.410.855.990
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	311	5.10	116.567.279.891	135.189.428.509	135.189.428.509
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	109.775.433.731	35.784.119.823	37.583.902.914
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	23.882.940.861	34.623.103.066	30.602.363.308
4. Phải trả người lao động	314		9.607.305.668	14.237.553.235	14.237.553.235
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	11.600.281.342	17.209.983.133	17.209.983.133
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		20.205.431.225	19.680.679.752	19.680.679.752
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	16.972.050.941	12.880.762.331	12.880.762.331
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		668.756.808	3.026.182.808	3.026.182.808
II. Nợ dài hạn	330		3.509.321.317	15.236.703.317	15.236.703.317
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.14	3.156.071.317	3.156.071.317	3.156.071.317
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15	353.250.000	12.080.632.000	12.080.632.000
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		72.807.117.850	69.489.550.671	71.634.052.858
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	72.807.117.850	69.489.550.671	71.634.052.858
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.400.600.000	56.400.600.000	56.400.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.400.600.000	56.400.600.000	56.400.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		298.545.000	298.545.000	298.545.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.451.376.483	5.835.852.483	5.835.852.483
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.656.596.367	6.954.553.188	9.099.055.375
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		288.473.188	3.713.974.104	3.713.974.104
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.368.123.179	3.240.579.084	5.385.081.271
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		385.595.919.634	357.358.066.645	357.281.612.165

Ghi chú: Số liệu ngày 01/01/2018 (Sau điều chỉnh) là số liệu của ngày 31/12/2017 đã được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra thuế của Cục thuế Hà Nội ngày 20/12/2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Người lập



Phạm Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thoa

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019
Giám đốc



Phùng Văn Tĩnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018 (VND)	Năm 2017 (VND) (Sau điều chỉnh)	Năm 2017 (VND)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	409.175.350.202	584.851.833.523	584.851.833.523
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.17	10.863.198.183	1.831.719.039	1.831.719.039
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	398.312.152.019	583.020.114.484	583.020.114.484
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	358.186.321.529	538.262.458.079	538.262.458.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		40.125.830.490	44.757.656.405	44.757.656.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	101.243.126	50.739.179	50.739.179
7. Chi phí tài chính	22	5.20	495.753.304	3.877.395.398	3.877.395.398
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		495.753.304	3.877.395.398	3.877.395.398
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.21	35.571.582.534	35.784.252.604	35.784.252.604
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		4.159.737.778	5.146.747.582	5.146.747.582
11. Thu nhập khác	31	5.22	15.345.051.688	11.855.770.498	11.855.770.498
12. Chi phí khác	32	5.22	8.572.118.472	10.145.184.997	10.145.184.997
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.22	6.772.933.216	1.710.585.501	1.710.585.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		10.932.670.994	6.857.333.083	6.857.333.083
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	2.564.547.815	2.704.080.460	1.472.251.812
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		8.368.123.179	4.153.252.623	5.385.081.271
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.484	479	955

Ghi chú: Số liệu năm 2017 (Sau điều chỉnh) là số liệu của năm 2017 đã được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra thuế của Cục thuế Hà Nội ngày 20/12/2018.

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Phạm Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng

Lê Thị Minh Thoa



Phạm Thị Ngọc Lan

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	528.830.439.187	508.939.286.610
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(394.109.636.826)	(395.671.667.635)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(48.248.714.023)	(67.691.000.037)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(214.189.672)	(2.282.986.546)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.282.092.267)	(1.442.339.006)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	11.303.965.642	10.737.862.980
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(41.803.602.225)	(22.476.323.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.476.169.816	30.112.832.561
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.350.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.207.284.256	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	80.173.909	47.753.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.062.541.835)	47.753.747
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.360.000.000	16.000.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.087.382.000)	(43.850.811.612)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.276.535.008)	(9.747.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.003.917.008)	(27.860.558.612)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	36.409.710.973	2.300.027.696
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	30.468.558.968	28.168.531.272
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	66.878.269.941	30.468.558.968

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Phạm Thị Ngọc Lan

Lê Thị Minh Thoa

Phùng Văn Tĩnh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 285/QĐ-TCT8 ngày 24/6/2010 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 chuyển từ Công ty Xây dựng Cầu 75 thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75. Công ty được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 1468/QĐ-BGTVT ngày 30/5/2013 của Bộ Giao thông Vận tải về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75 thành Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 - CIENCO8. Đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 7 ngày 29/5/2018 về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu 75 và thay đổi trụ sở Công ty.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324829 ngày 21/01/2016 với vốn điều lệ là 56.400.600.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ bốn trăm triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 6, ngõ 83, đường Ngọc Hồi, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân : 394 người; trong đó, số lao động tham gia đóng Bảo hiểm bình quân là 292 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Sản xuất các vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác gồm: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm: Nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy phát;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi gồm có: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chỉ gồm có: Thiết kế xây dựng công trình giao thông; tư vấn lập hồ sơ mời thầu (không bao gồm hoạt động thiết kế công trình trong ngành nghề này); Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình(Công ty chỉ được kinh doanh một hoặc nhiều ngành nghề theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu chỉ gồm có: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép và chỉ kinh doanh theo quy định của pháp luật ./.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công các công trình cầu

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị xây dựng	08 - 15
Thiết bị văn phòng	05 - 10
Phương tiện vận tải đường bộ	08 - 10
Tài sản khác	03 - 08

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn của Công ty bao gồm công cụ, dụng cụ, vật tư luân chuyển chờ phân bổ.

Công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển chờ phân bổ: Nguyên giá và giá trị còn lại của các công cụ, dụng cụ, vật tư luân chuyển này được Công ty theo dõi, các công cụ, vật tư luân chuyển sau khi mua về được giao cho các đội công trình sử dụng, khi các đội sử dụng xong, các công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển được nhập lại kho. Khi cần tái sử dụng và Công ty sẽ tính ra giá trị phân bổ cho các công trình để tái sử dụng. Giá trị tính để phân bổ cho các đội căn cứ trên đơn giá Công ty tự xây dựng, đơn giá này được xác định dựa trên nguyên giá và giá trị còn lại của các công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển đó. Do vậy, chi phí công cụ dụng cụ, vật tư luân chuyển trong năm sẽ không có sự chênh lệch với chi phí thực tế Công ty bỏ ra.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay
- Trích trước Chi phí công trình theo giá trị giao khoán các đội

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác****Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp lý được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong năm (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hằng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình và diễn ra trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt	5.485.814.425	258.873.928
Tiền gửi ngân hàng	61.392.455.516	30.209.685.040
Tổng	66.878.269.941	30.468.558.968

5.2 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng Công ty XDCTGT8-CTCP (Vĩnh Tuy, Chằm Thị, Nút giao Pháp Vân, VĐ3, Cầu Hồ, PK2, TL80, PK1 Ngoc Cầu, DA cao tốc Trung Lương, P1 Cần Thơ,...)	80.054.192.274	97.366.118.845
Doanh nghiệp Tư nhân Xuân Trường	23.719.379.949	23.719.379.949
BQL DA Quảng Trị (cầu Sông Hiếu, Khe Mây, Cam Hiếu, Thành Cổ)	6.744.881.000	17.263.307.000
BQLDA các Công trình giao thông Quảng Ninh (Cầu Diễn Vọng, Cầu Pắc Lich, cầu Pắc Hoóc, cầu Cẩm Hải, cống hợp GT2, cống Khe Xoong, Cầu Bắc Luân, Cầu Cổ Ngựa, Cầu Sông Hốt)	34.033.996.656	38.811.618.594
BQLDA Hà Tĩnh (Cầu Thạch Sơn, QL15A, Cầu Đá Đón)	16.322.045.386	16.384.787.000
BQLDAXD Bắc Ninh (cầu Đường 1, cầu Đường 2, Trắc Bút Trầm Lá, Cầu Bán)	7.193.067.537	19.203.839.790
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 4 (cầu Sông Hốt, Đồng Khê, Nam Hồng)	12.561.885.238	8.668.258.206
Ban quản lý dự án Lạng Sơn (Cầu Kỳ Cùng, Cầu Bó Cùng)	13.774.332.000	9.985.989.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex (Cầu Phước Lý, QL 1A)	11.516.812.492	21.417.679.612
Công ty TNHH Phúc Lộc (Cầu Trà Bồng, Đập Dâng)	24.453.407.058	-
Công ty cổ phần Phúc Lộc (Cầu Bán vượt nương)	6.446.016.000	-
Các đối tượng khác	55.591.300.476	65.573.223.003
Tổng	292.411.316.066	318.394.200.999

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 820	735.709.683	735.709.683
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và xây dựng H.A.C	5.400.000.000	-
Công ty TNHH Phúc Lộc (Cầu Trà Bồng)	2.500.000.000	-
Các đối tượng khác	13.688.081.022	5.905.436.803
Tổng	22.323.790.705	6.641.146.486

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.4 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	14.623.070.781	-	19.292.057.697	-
- Phải thu về cổ phần hóa	11.692.000	-	11.692.000	-
- Ký cược, ký quỹ	166.911.725	-	719.957.353	-
- Phải thu khác	1.421.107.722	-	1.496.566.890	-
- Tạm ứng	13.023.359.334	-	17.063.841.454	-
Dài hạn	850.744.223	-	246.925.000	-
- Ký cược, ký quỹ	850.744.223	-	246.925.000	-
Tổng	15.473.815.004	-	19.538.982.697	-

5.5 Nợ xấu

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	172.540.300.769	27.996.347.703	147.249.344.877	22.813.476.861

Trong đó:

	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Cầu Cạn Pháp Vân kéo dài Vành đai 3 giai đoạn 2.				10.793.629.498
Cầu Hồ (Đội 1 Ông Minh)				2.485.944.560
Cầu Kim Chính				8.219.329.793
Cầu Lạch Bạng				2.475.979.000
Cầu Vượt Đường Sắt DAHN-T.Nguyên PK2 -ÔThắng-Tg8				7.927.873.574
GT số 8 - Cầu Vượt Tuyến tránh QL15A Hà Tĩnh				16.216.421.000
Giếng Cát Bắc Thâm Châm thị				22.380.584.447
Dự án cầu Cần Thơ (BDH dự án P1)				4.968.005.694
Dự án đường ô tô cao tốc TP HCM-Trung Lương				5.153.038.258
Nút giao pháp vân Cầu giẽ Thanh Trì				8.168.872.049
Cầu Ngọc Cầu - GT PK1 - QL3 mới				5.516.536.694
Cầu Nhật Tân Nội Bài - Nguyễn Khuê				3.438.146.291
Cầu Ninh Chữ, Cầu Cà Ná và Cổng hợp Ninh Thuận				3.009.364.810
Cầu Đập Hàn				1.714.229.650
Cầu Trại Mế đường cao tốc Ninh Bình				10.479.136.901
Cầu Bó Củng Lạng Sơn				3.698.091.000
Cầu Hợp Lý				4.165.111.743
Cầu Lạch Tray				2.347.782.394
Cầu Tam Chung				3.329.814.500
Cầu Đồng Khê				2.811.845.438
Cầu Hà Lan				997.577.363
Các đối tượng khác				14.246.638.409
Tổng				144.543.953.066

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.642.691.017	-	9.128.241.201	-
Công cụ, dụng cụ	1.298.205.116	-	3.313.727.158	-
Chi phí SX KDDD	75.022.542.129	-	48.602.634.579	-
Tổng	83.963.438.262	-	61.044.602.938	-

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	7.976.889.560	9.083.682.256
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	7.976.889.560	9.083.682.256
Dài hạn	8.907.951.530	7.253.033.074
Chi phí công cụ, dụng cụ	6.346.196.022	7.253.033.074
Chi phí sửa chữa Văn phòng nhà N1	2.561.755.508	-
Tổng	16.884.841.090	16.336.715.330

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2018	10.788.076.840	88.444.806.323	9.633.069.236	3.206.084.733	1.042.021.340	113.114.058.472
Tăng trong năm	-	7.954.545.453	-	-	-	7.954.545.453
Mua trong năm		7.954.545.453				7.954.545.453
Giảm trong năm	6.987.800.000	10.747.094.644	1.887.314.844	189.925.468	128.857.143	19.940.992.099
Thanh lý, nhượng bán	6.987.800.000	10.747.094.644	1.887.314.844	189.925.468	128.857.143	19.940.992.099
Điều chuyển, phân loại lại						-
Số dư tại 31/12/2018	3.800.276.840	85.652.257.132	7.745.754.392	3.016.159.265	913.164.197	101.127.611.826
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2018	10.235.366.721	64.630.566.332	5.607.612.139	3.165.859.077	773.582.893	84.412.987.162
Tăng trong năm	193.092.701	4.378.322.036	668.960.606	21.577.657	53.330.303	5.315.283.303
Khấu hao trong năm	193.092.701	4.378.322.036	668.960.606	21.577.657	53.330.303	5.315.283.303
Giảm trong năm	6.987.800.000	10.613.695.167	1.887.314.844	189.925.468	69.105.060	19.747.840.539
Thanh lý, nhượng bán	6.987.800.000	10.613.695.167	1.887.314.844	189.925.468	69.105.060	19.747.840.539
Điều chuyển, phân loại lại						-
Số dư tại 31/12/2018	3.440.659.422	58.395.193.201	4.389.257.901	2.997.511.266	757.808.136	69.980.429.926
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2018	552.710.119	23.814.239.991	4.025.457.097	40.225.656	268.438.447	28.701.071.310
Tại 31/12/2018	359.617.418	27.257.063.931	3.356.496.491	18.647.999	155.356.061	31.147.181.900

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay và bảo lãnh:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

14.950.717.252
52.378.528.208

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí sửa chữa văn phòng Công ty phát sinh từ những năm trước Công ty chưa thực hiện quyết toán.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	116.567.279.891	116.567.279.891	135.189.428.509	135.189.428.509
Công ty CP Thương mại kim khí và vật tư Hà Nội	4.530.108.596	4.530.108.596	4.190.302.009	4.190.302.009
Công ty CP Xây dựng thương mại và đào tạo 8	-	-	388.727.683	388.727.683
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh VLXD FICO	8.016.729.127	8.016.729.127	11.243.803.980	11.243.803.980
Công ty TNHH Kinh doanh vật tư tổng hợp	846.563.327	846.563.327	4.718.566.591	4.718.566.591
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Cienco8	5.696.596.347	5.696.596.347	6.168.595.372	6.168.595.372
Công ty TNHH Thương mại Đức Giang	85.614.210	85.614.210	3.147.615.790	3.147.615.790
Công ty TNHH Hoàn Hảo	727.157.996	727.157.996	6.692.278.131	6.692.278.131
Công ty TNHH Đầu tư dịch vụ và TM Ngọc Diệp	5.858.000.000	5.858.000.000	5.858.000.000	5.858.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Thịnh	-	-	1.842.534.163	1.842.534.163
Công ty Cổ phần Thương mại Kim Khí Hùng Kim	2.394.999.198	2.394.999.198	3.837.750.593	3.837.750.593
Công ty Cổ phần Nam Tân	3.712.938.901	3.712.938.901	3.871.871.490	3.871.871.490
Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng Thăng Long	233.839.500	233.839.500	3.220.017.500	3.220.017.500
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	-	-	3.019.745.455	3.019.745.455
Các đối tượng khác	84.464.732.689	84.464.732.689	76.989.619.752	76.989.619.752
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	116.567.279.891	116.567.279.891	135.189.428.509	135.189.428.509

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Người mua ứng tiền trước

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tổng công ty XDCTGT8-CTCP (cầu Cúc Phương, Lạch Tray, Vĩnh Tuy, Cầu Phả Lại, Văn Lâm, PK1C, Long Đại,...)	22.646.753.048	23.917.377.407
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Thành phố Hạ Long (Cầu	28.900.000.000	-
Ban quản lý dự án tỉnh Bắc Ninh (Cầu Phật Tích Đại Đồng Thành)	25.406.497.983	-
Ban QLDA khu vực các công trình giao thông vận tải (Nam Cầu Bính)	32.430.202.700	-
Ban quản lý Dự án Hải Dương (Cầu Cừ An)	-	11.370.564.416
Ban quản lý dự án 5 (Cầu An Tân Đội 10)	-	94.198.000
Các đối tượng khác	391.980.000	401.980.000
Tổng	109.775.433.731	35.784.119.823

5.12 Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
Phải nộp	34.623.103.066	9.951.157.283	20.691.319.488	23.882.940.861
Thuế giá trị gia tăng	29.522.541.480	6.914.587.209	18.029.637.081	18.407.491.608
Thuế thu nhập . doanh nghiệp	3.359.918.244	2.564.547.815	2.282.092.267	3.642.373.792
Thuế thu nhập cá nhân	347.994.244	355.115.116	261.179.711	441.929.649
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	6.556.494	109.777.443	109.777.443	6.556.494
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.386.092.604	2.129.700	3.632.986	1.384.589.318
Phải thu	25.783.577	-	-	25.783.577
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	25.783.577			25.783.577

5.13 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Tân Thuận	3.764.084.361	3.778.669.581
Chi phí thi công các công trình	7.836.196.981	13.431.313.552
Tổng	11.600.281.342	17.209.983.133

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Ngắn hạn	16.972.050.941	12.880.762.331
Kinh phí công đoàn, công đoàn phí	1.285.599.107	1.004.584.805
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.686.451.834	11.876.177.526
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>4.979.260.750</i>	<i>2.897.448.750</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>10.707.191.084</i>	<i>8.978.728.776</i>
Dài hạn	3.156.071.317	3.156.071.317
Nhận ký quỹ ký cược	3.156.071.317	3.156.071.317
Tổng	20.128.122.258	16.036.833.648

5.15 Vay và Nợ thuê tài chính*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	1.360.000.000	1.360.000.000	-	-
Vay cá nhân	-	-	1.360.000.000	1.360.000.000	-	-
Vay dài hạn	353.250.000	353.250.000	-	11.727.382.000	12.080.632.000	12.080.632.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)	-	-	-	885.432.000	885.432.000	885.432.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	353.250.000	353.250.000	-	841.950.000	1.195.200.000	1.195.200.000
Quỹ đầu tư Phát triển Lang Son	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tổng	353.250.000	353.250.000	1.360.000.000	13.087.382.000	12.080.632.000	12.080.632.000

Hợp đồng tín dụng số 42/2016-HĐTDDA/NHCT320-CAU75 ký giữa Công ty cổ phần Xây dựng Cầu 75 – Cienco 8 và Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây, Số tiền: 1.295.000.000 đồng, Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án vay bù đắp mua máy đào bánh xích KOMATSU và cần trục bánh lốp KATO, Lãi suất: 10%/ năm, Thời hạn: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Ngày đáo hạn 01/7/2019.

Hợp đồng tín dụng số 09/2016-HĐTDDA/NHCT320-CAU75 ký giữa Công ty cổ phần Xây dựng Cầu 75 – Cienco 8 và Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Hà Tây, Số tiền: 1.150.000.000 đồng, Mục đích vay: thanh toán chi phí đầu tư hợp pháp của dự án vay bù đắp mua máy đào bánh xích KOMATSU và cần trục bánh XÍCH HITACHI, Lãi suất: 10%/ năm, Thời hạn: 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, Ngày đáo hạn 30/03/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	56.400.600.000	298.545.000	4.420.275.394	5.601.410.223	66.720.830.617
Tăng vốn	-	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	-	-	4.153.252.623	4.153.252.623
Giảm theo Biên bản thanh tra thuế ngày 20/12/2018	-	-	-	(912.673.539)	(912.673.539)
Trích lập các quỹ	-	-	1.415.577.089	(1.887.436.119)	(471.859.030)
Số dư tại 31/12/2017	56.400.600.000	298.545.000	5.835.852.483	6.954.553.188	69.489.550.671
Số dư tại 01/01/2018	56.400.600.000	298.545.000	5.835.852.483	6.954.553.188	69.489.550.671
Lãi trong năm nay	-	-	-	8.368.123.179	8.368.123.179
Trích lập các quỹ	-	-	1.615.524.000	(2.154.032.000)	(538.508.000)
Chia trả cổ tức	-	-	-	(4.512.048.000)	(4.512.048.000)
Số dư tại 31/12/2018	56.400.600.000	298.545.000	7.451.376.483	8.656.596.367	72.807.117.850

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Vốn Nhà nước (Đại diện Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP)	14.155.700.000	14.155.700.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	9.531.440.000	23.766.950.000
Ông Bùi Trọng Kiên	14.235.510.000	-
Vốn góp của các cổ đông khác	18.477.950.000	18.477.950.000
Tổng	56.400.600.000	56.400.600.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	56.400.600.000	56.400.600.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	56.400.600.000	56.400.600.000
Cổ tức đã chia	4.512.048.000	-
Phân phối các quỹ	2.154.032.000	1.887.436.119

5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.640.060	5.640.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.640.060	5.640.060
Cổ phiếu phổ thông	5.640.060	5.640.060
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.640.060	5.640.060
Cổ phiếu phổ thông	5.640.060	5.640.060
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Doanh thu xây dựng	409.175.350.202	584.851.833.523
Tổng	409.175.350.202	584.851.833.523
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	10.863.198.183	1.831.719.039
Tổng	10.863.198.183	1.831.719.039
Doanh thu thuần		
Doanh thu xây dựng	398.312.152.019	583.020.114.484
Doanh thu thuần	398.312.152.019	583.020.114.484

5.18 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Giá vốn xây dựng	358.186.321.529	538.262.458.079
Tổng	358.186.321.529	538.262.458.079

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	101.243.126	50.739.179
Tổng	101.243.126	50.739.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Lãi tiền vay	495.753.304	3.877.395.398
Tổng	495.753.304	3.877.395.398

5.21 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	35.571.582.534	35.784.252.604
Chi phí nhân viên quản lý	7.671.131.447	8.869.499.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.643.115.316	136.748.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	214.670.358	605.635.479
Thuế phí và lệ phí	532.874.014	972.815.227
Chi phí dự phòng	20.108.085.050	20.638.452.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.771.890	1.337.413.322
Chi phí bằng tiền khác	4.966.934.459	3.223.687.900
Chi phí bán hàng	-	-
Tổng	35.571.582.534	35.784.252.604

5.22 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Thu nhập khác		
Thu chuyển nhượng tài sản trên đất	2.507.727.273	
Thu thanh lý tài sản, vật tư	4.268.091.814	965.598.909
Thu cho thuê máy, nhân công	2.243.890.434	5.014.364.250
Xuất bán bê tông, vật tư	4.297.904.776	4.925.637.737
Thu tiền phạt, tiền bồi thường	824.857.416	591.348.322
Thu nhập khác	1.202.579.975	358.821.280
Tổng	15.345.051.688	11.855.770.498
Chi phí khác		
Chi phí và giá trị còn lại thanh lý	2.133.540.018	807.653.633
Bồi thường thiệt hại		80.000.000
Phạt chậm nộp thuế	249.877.605	423.925.979
Xuất bán bê tông, vật tư	4.298.211.550	5.430.753.860
Chi phí cho thuê máy, nhân công	653.264.520	3.133.635.207
Chi phí khác	1.237.224.779	269.216.318
Tổng	8.572.118.472	10.145.184.997
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	6.772.933.216	1.710.585.501

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	10.932.670.994	6.857.333.083
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	348.593.077	6.663.069.220
<i>Chi phí không được trừ (Tiền phạt hành chính và chậm nộp thuế)</i>	<i>348.593.077</i>	<i>503.925.979</i>
<i>Chi phí không được trừ theo Biên bản thanh tra thuế ngày 20/12/2018</i>		<i>6.159.143.241</i>
Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	2.507.727.273	
Thuế TNDN phải nộp	501.545.455	-
Thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh	8.773.536.798	13.520.402.303
Thuế TNDN phải nộp	1.754.707.360	2.704.080.460
Điều chỉnh thuế của năm trước và Truy thu thuế	308.295.000	-
Chi phí năm 2012 không được trừ khi tính thuế TNDN	1.233.180.000	
Thuế TNDN phải nộp	308.295.000	
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.564.547.815	2.704.080.460

5.24 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017 (Sau điều chỉnh)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	8.368.123.179	4.153.252.623
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Giảm theo Biên bản thanh tra thuế ngày 20/12/2018)</i>		<i>912.673.539</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (Trích quỹ khen thưởng phúc lợi)</i>	-	<i>538.508.000</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.368.123.179	2.702.071.084
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.640.060	5.640.060
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.484	479

Lãi trên cổ phiếu năm 2017 trình bày lại do trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017 và điều chỉnh tiền phạt truy thu thuế theo Biên bản thanh tra thuế. Lãi trên cổ phiếu năm 2018 chưa bao gồm các thay đổi của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận 2018 (nếu có)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B-09-DN

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND (Sau điều chỉnh)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.134.163.810	232.143.499.004
Chi phí nhân công	37.701.925.520	55.956.746.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.315.283.303	5.390.848.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.475.006.729	124.674.843.168
Chi phí khác bằng tiền	5.499.808.473	4.196.503.127
Chi phí dự phòng, bảo hành	20.108.085.050	20.638.452.653
Tổng	425.234.272.885	443.000.893.449

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương và thù lao	1.902.191.131	2.230.052.285

Giao dịch các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Cầu Km43+122, Km38+548,89	2.361.255.465	41.329.876.722
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	La Sơn Túy Loan Đồi 4 Cầu Sông Rút Đồi 9	317.645.455	-
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Nút giao tỉnh lộ 80 Đường Láng hoà Lạc (XN1)	-	(127.242.777)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 829	Bán bê tông Cầu Km 41 La Sơn	-	510.508.000
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thanh lý tài sản	-	521.000.000
Công ty cổ phần XNK Cienco 8	Cho thuê cọc ván thép Công trình Cầu Sông Rút	140.309.591	-
Mua hàng hóa và dịch vụ			
Công ty Cổ phần XDCTGT 829	Bán bê tông	-	290.616.651
Công ty XDCT Giao thông 810	Điện nước	119.125.360	26.812.827
Công ty XDCT Giao thông 810	Thuê văn phòng	734.060.000	-
Xí nghiệp xây dựng cầu đường 2 - Cienco8	Mua vật tư xây dựng	1.067.623.107	373.530.024
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu - Cienco 8	Thuê vật tư	6.737.333	16.751.180.428
Cho vay và lãi vay			
Công ty XDCT Giao thông 810	Cho vay	1.269.435.799	-
Công ty XDCT Giao thông 810	Lãi cho vay	21.069.217	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan khác (Tiếp theo)**

Số dư các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 892 (Cầu Hạ Lưu, Nước Trong, Quảng Ngãi)	Thi công xây dựng	319.491.000	319.491.000
Ban điều hành Dự án XD Đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, gói thầu số 4	Thi công xây dựng	22.380.584.447	22.390.694.458
Nút giao thông tỉnh lộ 80 Đường Láng Hoà Lạc (XN1)	Thi công xây dựng	661.099.006	661.699.007
Đội 9 Cầu Văn Lâm BDH DA Cầu Giẽ Tổng 8	Thi công xây dựng	724.921.286	724.921.286
Cầu Cốc Pài Hà Giang	Thi công xây dựng	354.750.000	354.750.000
Cầu Cạn Pháp Vân kéo dài Vành đai 3 GD2	Thi công xây dựng	10.793.629.498	10.808.483.707
Ban điều hành dự án đường Hồ Chí Minh (Cầu Khe Nấm, Cầu Km66, Cầu Đá Cỏ)	Thi công xây dựng	945.628.551	945.628.551
Cầu Vượt Đường sắt DA Hà Nội - Thái Nguyên PK2	Thi công xây dựng	7.927.873.574	7.927.873.574
Ban điều hành dự án Phía Nam	Thi công xây dựng	386.106.855	386.588.224
Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Việt Lào	Thi công xây dựng	267.768.450	267.768.450
Ban điều hành Dự án P1 - Cầu Cần Thơ	Thi công xây dựng	4.968.005.694	5.018.359.461
Dự án đường ôtô cao tốc Tp. HCM -Trung Lương	Thi công xây dựng	5.153.038.258	5.153.056.461
Đúc Dầm Cầu Ngọc Cầu	Thi công xây dựng	5.516.536.694	5.516.536.694
Nút giao Pháp Vân Cầu Giẽ Thanh Trì	Thi công xây dựng	8.168.872.049	8.168.872.049
Cầu Vĩnh Tuy	Thi công xây dựng	1.264.620.067	1.264.620.067
Cầu Vượt số 7 Km26+740 PK1C Yên Phong	Thi công xây dựng	164.948.600	164.948.600
Cầu Hồ	Thi công xây dựng	2.485.944.560	2.485.944.232
Cầu Km43+122, Km38+548,89 La Sơn Tủy Loan Đội 4	Thi công xây dựng	5.684.322.898	23.269.841.987
Cầu Sông Rút Đội 9	Thi công xây dựng	698.820.000	349.410.000
Cầu Giá	Thi công xây dựng	703.091.650	703.091.650
Cầu An Sương, An Lạc	Thi công xây dựng	484.139.137	484.139.387
Phải thu cho vay			
Công ty XDCT Giao thông 810	Cho vay	388.503.799	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**Giao dịch các bên liên quan khác (Tiếp theo)**

Số dư các bên liên quan	Tính chất giao dịch	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Đào tạo 8	Thi công xây dựng	-	388.727.683
Xí nghiệp xây dựng cầu đường 2 - Cienco8	Thi công xây dựng	1.441.153.131	373.530.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 829	Thi công xây dựng	213.983.651	213.983.651
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 838	Thi công xây dựng	539.974.332	539.974.332
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cienco 8	Thi công xây dựng	5.696.596.347	6.168.595.372
Người mua ứng tiền trước			
Cầu dẫn Phả Lại Bắc Ninh Hải Dương	Thi công xây dựng	9.918.889.500	9.918.889.500
Ban điều hành dự án Hồ Chí Minh - Cúc Phương	Thi công xây dựng	1.608.659.362	1.608.542.362
Cầu Trâm - Ban điều hành Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	775.212.256	775.212.256
Cầu Long Đại - BQL Hồ Chí Minh	Thi công xây dựng	270.279.654	270.279.654
Cầu Lạch Tray - Ban điều hành Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	128.365.756	128.365.756
Cầu Sông Cầu, Thái Nguyên - Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	9.945.346.520	9.717.387.879
Cầu Đập Dâng Phú Hòa, Bình Định - Tổng Công ty XDCTGT 8 - CTCP	Thi công xây dựng	-	1.498.700.000
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 820	Thi công xây dựng	735.709.683	735.709.683
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình giao thông 842	Thi công xây dựng	52.759.840	52.759.840
Công ty XDCT Giao thông 810	Dịch vụ khác	182.798.217	11.917.045
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thi công xây dựng	60.350.000	42.100.000
Phải trả nội bộ			
Tổng Công ty XDCT Giao thông 8 - CTCP	Thi công xây dựng	20.205.431.225	19.680.679.752

6.2 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thi công các công trình xây dựng trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG CẦU 75

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra thuế của Cục thuế Hà Nội ngày 20/12/2018 cho Báo cáo tài chính năm 2017, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Số dư tại 01/01/2018 VND	Số dư tại 31/12/2017 VND	Chênh lệch VND
Phải thu ngắn hạn khác	19.292.057.697	19.215.603.217	76.454.480
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
Cộng thay đổi Tài sản			76.454.480
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	35.784.119.823	37.583.902.914	(1.799.783.091)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	34.623.103.066	30.602.363.308	4.020.739.758
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.954.553.188	9.099.055.375	(2.144.502.187)
Cộng thay đổi Nguồn vốn			76.454.480

Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2017 (sau điều chỉnh)	Năm 2017	Chênh lệch
Chi phí thuế TNDN	2.704.080.460	1.472.251.812	1.231.828.648
Lợi nhuận sau thuế	4.153.252.623	5.385.081.271	(1.231.828.648)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	479	955	(476)

Danh mục bút toán điều chỉnh theo Biên bản Thanh tra thuế của Cục thuế Hà Nội ngày 20/12/2018 cho Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

STT	Nội dung điều chỉnh	TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT phải nộp liên quan công trình Cầu Cửa An	131	33311	1.799.783.091
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng liên quan chi phí trích trước chưa có hồ sơ, chứng từ đúng quy định	8211	3334	1.231.828.648
3	Truy thu thuế thu nhập cá nhân không thường xuyên 10% trả cho người lao động Công ty chưa tính khấu trừ	1388	3335	71.830.504
4	Giảm thuế GTGT đầu vào hóa đơn mua không hợp lệ	1388	133	4.623.976
5	Kết chuyển thuế GTGT	133	3331	4.623.976
6	Kết chuyển kết quả hoạt động kinh doanh	911	8211	1.231.828.648
7	Kết chuyển	421	911	1.231.828.648
8	Giảm theo Biên bản Thanh tra thuế	421	333	912.673.539

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2019

Người lập



Phạm Thị Ngọc Lan

Kế toán trưởng



Lê Thị Minh Thoa

Giám đốc



Phùng Văn Tình



MOORE STEPHENS

INTERNATIONAL LIMITED

A member of  *Members in principal cities throughout the world*

Moore Stephens International Limited, registered in England and Wales with registered number 221527.

A list of directors names is available at the company's registered Office and principal place of business:

150 Aldersgate Street, London EC 1A 4AB, England, U.K.

Tel: +44 (0) 20 7334 9191, Fax: +44 (0) 20 7651 1637

www.moorestephens.com

CPA VIETNAM was established in Hanoi, Vietnam more than a decade ago, CPA VIETNAM is a member firm of Moore Stephens International Limited (MSIL) and managed by Moore Stephens Asia Pacific Limited (MSAP).

Head office and principal place of business: 8th floor, VG office building, No 235 Nguyen Trai Street, Thanh Xuan District, Hanoi, Vietnam.

Tel: + 84 (24) 3 783 2121, Fax: + 84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn